

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÈO VẠC
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2024

"Về tranh chấp Ly hôn, con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÈO VẠC, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy Yên

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Ngọc Thăng, bà Sùng Thị Máy

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thúy An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: ông Vừ Mí Sính – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn, con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bùi Thị T, sinh năm 19..

Địa chỉ: tổ 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh H;

CCCD số 00..., Cục CSQH về TTXH cấp ngày ...; có mặt.

2. *Bị đơn:* Lương Văn H1, sinh năm 19..

Địa chỉ: tổ 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh H;

CCCD số 00..., Cục CSQH về TTXH cấp ngày ...; Vắng mặt không lý do.

Người làm chứng: Phan Thị Bích T1, sinh năm 19..; địa chỉ: tổ 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh H, xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2024 và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bùi Thị T trình bày:

Bà và ông Lương Văn H1 kết hôn tháng 12/2008 trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh H. Thời gian ông bà chung sống hạnh phúc từ năm 2008 đến năm 2011, từ năm 2012 đến nay ông H1 thường xuyên uống rượu, có nhiều hành vi và lời nói không chuẩn mực khiến vợ con bị tổn thương về tình cảm và tinh thần, bà đã khuyên giải nhiều lần nhưng ông H1 không thay đổi. Đến nay con của ông bà đã lớn, đến tuổi dậy thì nhưng ông H1 vẫn thường xuyên uống rượu say về nhiều vợ con làm ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, ảnh hưởng đến tâm lý của con, bà cũng không còn tình cảm, không

còn niềm tin với chồng, vì vậy bà xin ly hôn với ông H1 để hai mẹ con bà sống không bị áp lực và tổn thương nữa, vợ chồng ly thân từ tháng 3/2024 tới giờ.

Về con chung: ông bà có một con chung là cháu Lương Đăng H2 sinh ngày .../.../2010, bà tôn trọng ý kiến của con, tuy nhiên bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, lúc đầu bà yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con cho bà là 3.000.000 đồng/tháng, sau bà không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con nữa. Thu nhập của bà là 14.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Công nợ chung vợ chồng không có, không đề nghị giải quyết.

Bị đơn Lương Văn H1 không có phản hồi, không tới Tòa án làm việc, Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa...), ông H1 nhận một số văn bản tố tụng, một số văn bản ông H1 từ chối nhận Tòa án đã lập biên bản theo quy định.

Ý kiến của cháu Lương Đăng H2: Bố cháu hay uống rượu, thường xuyên, khi uống rượu xong bố về nhà cáu gắt, nhiều, cháu đang làm việc gì thì bố phá cháu không làm được, bố có chửi, đánh cháu, nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với mẹ vì mẹ có khả năng nuôi dưỡng cháu hơn bố.

Người làm chứng Phan Thị Bích T1: bà T là em thím, ông H1 là em chú của bà, nhà bà ở ngay cạnh nhà ông H1 bà T, bà có biết vợ chồng ông H1 bà T xảy ra mâu thuẫn đã lâu, do ông H1 thường uống rượu rồi không kiểm soát được hành vi của mình nên chửi bới và đập một ít đồ đạc, vợ chồng ông H1 bà T đã vài lần sang nhà bà nói chuyện hòa giải nhưng không được.

Qua xác minh tại địa phương, không có báo cáo gì về việc ông H1 bà T xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đánh chửi nhau.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014, điều 28, 35, 39, 147, 227 BLTTDS, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T, cho bà T ly hôn; về con chung giao cháu Lương Đăng H2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; tài sản chung ông bà tự thỏa thuận, không có công nợ chung nên không xem xét; bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Bùi Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Lương Văn H1, là tranh chấp được quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Mèo Vạc, theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, lập biên bản theo quy định tại điều 175, 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, là tổng đạt hợp lệ. Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Lương Văn H1 vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị T và ông Lương văn H1 xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/12/2008 tại UBND xã K, huyện M, tỉnh H, là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị T: Mâu thuẫn vợ chồng ông bà xảy ra từ lâu, do ông H1 thường uống rượu, không kiểm soát được hành vi của mình nên chửi bới và đập phá đồ đạc, khiến vợ con bị tổn thương về tình cảm và tinh thần, đã mấy lần được anh em trong gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án ông H1 không hợp tác, không tới Tòa án làm việc, thể hiện việc ông H1 không quan tâm, không muốn hàn gắn gia đình. Vợ chồng ông bà không còn sống cùng nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, bà T không còn tình cảm với ông H1 và kiên quyết ly hôn, thấy rằng tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của bà Bùi Thị T là có cơ sở được chấp nhận, theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[5] Con chung: cháu Lương Đăng H2 muốn được ở với mẹ vì mẹ có khả năng nuôi dưỡng cháu hơn bố, thu nhập của bà T đủ đảm bảo để nuôi con, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần giao cháu H2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, bà T không yêu cầu ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện.

[6] Tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận, bà T không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Công nợ chung: ông bà không có, không xem xét.

[8] Án phí: bà Bùi Thị T phải chịu án phí theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51, khoản 1 điều 56, điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, điều 147, khoản 2 điều 227, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Lương Văn H1.

2. Con chung:

Giao cháu Lương Đăng H2 sinh ngày .../.../2010 cho bà Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Lương Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Bùi Thị T. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Công nợ chung: Không có, không xem xét.

5. Án phí: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003807 ngày 07/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo đối với bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo đối với bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Mèo Vạc;
- Chi cục THADS huyện Mèo Vạc;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã Khâu Vai);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Yên